**TUẦN 19**

**CHƯƠNG 4. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ**

**BÀI 1. THU THẬP VÀ PHÂN LOẠI DỮ LIỆU**

1. **Thu thập dữ liệu**

***Có nhiều cách để thu thập dữ liệu như: thu thập từ các nguồn có sẵn, phỏng vấn, lập phiếu câu hỏi, quan sát, làm thí nghiệm,…. Chúng ta cần tìm phương pháp phù hợp với lĩnh vực, mục đích cần thu thập.***

**Hoạt động khám phá 1.**

Ta có thể thu thập dữ liệu từ những nguồn có sẵn (như sách, báo, qua mạng Internet, …); phỏng vấn; lập phiếu hỏi; quan sát; làm thí nghiệm; …

**Thực hành 1.**

Phương pháp đề xuất thu thập dữ liệu cho các vấn đề trên như sau:

a) Sản lượng gạo và cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong bốn năm gần nhất: thu thập từ nguồn có sẵn như Internet, sách, báo, …

b) Ý kiến của học sinh khối 8 về chất lượng bữa ăn bán trú: lập phiếu hỏi, phỏng vấn, …

**Vận dụng 1.** Dùng phương pháp thu thập từ nguồn có sẵn qua mạng Internet để thu thập dữ liệu về dân số các tỉnh Tây Nguyên, chẳng hạn truy cập trang web [**https://www.gso.gov.vn/dan-so/**](https://www.gso.gov.vn/dan-so/) (*Tổng cục Thống kê*).

*Bảng thống kê dân số (năm 2021) các tỉnh Tây Nguyên:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh | Kon Tum | Gia Lai | Đắk Lắk | Đắk Nông | Lâm Đồng |
| Dân số(nghìn người) | 568,78 | 1 569,72 | 1 909,00 | 664,42 | 1 321,84 |

**Vận dụng 2.**

Phương pháp đề xuất để thu thập dữ liệu và lí giải về việc lấy ý kiến học sinh lớp em về địa điểm tham quan trong chuyến đi dã ngoại cuối học kì sắp tới: lập phiếu hỏi.

1. **Phân loại dữ liệu**

***- Dữ liệu định tính được chia thành các loại:***

***+ Dữ liệu định danh là dữ liệu thể hiện cách gọi tên. Ví dụ: giới tính, màu sắc, nơi ở,…***

***+ Dữ liệu biểu thị thứ bậc là dữ liệu thể hiện sự hơn kém. Ví dụ: mức độ hài lòng, khối, lớp,…***

***- Dữ liệu định lượng nhận giá trị thực và được chia thành hai loại:***

***+ Loại rời rạc là dữ liệu chỉ nhận hữu hạn giá trị hoặc biểu thị số đếm. Ví dụ: số học sinh, cỡ giày,…***

***+ Loại liên tục là dữ liệu có thể nhận mọi giá trị trong một khoảng nào đó. Ví dụ: chiều dài, khối lượng,…***

**Hoạt động khám phá 2.**

a) ‒ Các dữ liệu định tính: họ và tên; khối; giới tính; kĩ thuật phát cầu.

 ‒ Các dữ liệu định lượng: chiều cao (cm); số nội dung thi đấu.

b) Trong các dữ liệu định tính tìm được, dữ liệu kĩ thuật phát cầu có thể so sánh hơn kém.

c) Trong số các dữ liệu định lượng tìm được, dữ liệu số nội dung thi đấu là số đếm.

**Thực hành 2.**

a) ‒ Các dữ liệu định tính: danh sách một số loại trái cây; độ chín của trái cây; mức độ tươi ngon của trái cây.

 ‒ Các dữ liệu định lượng: khối lượng (tính theo g) của một số trái cây; hàm lượng vitamin C (tính theo mg) có trong một số trái cây.

b) Trong số các dữ liệu định tính tìm được, dữ liệu độ chín của trái cây và dữ liệu mức độ tươi ngon của trái cây có thể so sánh hơn kém.

c) Trong số các dữ liệu định lượng tìm được, cả dữ liệu khối lượng (tính theo g) của một số trái cây và dữ liệu hàm lượng vitamin C (tính theo mg) có trong một số trái cây đều là dữ liệu liên tục.

**Vận dụng 3.**

a) ‒ Các dữ liệu định tính: tên lồng đèn; loại; màu sắc.

 ‒ Các dữ liệu định lượng: STT; Số lượng.

b) Trong số các dữ liệu định tính tìm được, dữ liệu loại (lớn, vừa, nhỏ) có thể so sánh hơn kém.

c) Trong số các dữ liệu định lượng tìm được, dữ liệu số lượng (2; 6; 10; 15) là dữ liệu rời rạc.

**CHƯƠNG 7. ĐỊNH LÍ THALES**

**BÀI 1. ĐỊNH LÍ THALES TRONG TAM GIÁC**

1. **Đoạn thẳng tỉ lệ**
2. ***Tỉ số của hai đoạn thẳng***

**Hoạt động khám phá 1.**

a) Tỉ số 5:8 hay

b) AB = 3,5cm, CD = 4,5cm

Suy ra,

**\*Định nghĩa: Tỉ số của 2 đoạn thẳng là tỉ số độ dài của chúng theo cùng một đơn vị đo.**

Tỉ số của hai đoạn thẳng AB và CD kí hiệu là

**\*Chú ý: Tỉ số của hai đoạn thẳng không phụ thuộc vào cách chọn đơn vị đo.**

**Thực hành 1:**

a)

b) AB= 1,2m = 120cm ; CD = 42cm. Suy ra

1. ***Đoạn thẳng tỉ lệ***

**Hoạt động khám phá 2.**

 Vậy

**\*Định nghĩa: Hai đoạn thẳng AB và CD tỉ lệ với EF và MN nếu**

 **hay**

**Thực hành 2:**

a) Ta có: ;

Suy ra

Vậy hai đoạn thẳng AB và BC tỉ lệ với hai đoạn thẳng A’B’ và B’C’.

b)Ta có: ;

Suy ra

Vậy hai đoạn thẳng AC và A’C’ tỉ lệ với hai đoạn thẳng AB và A’B’.

**Vận dụng 1**

Suy ra

1. **Định lí Thales trong tam giác**

**Hoạt động khám phá 3.**

a) MN=NP=PQ=QE

b)

\*Định lý Thales: SGK/46

|  |  |
| --- | --- |
| GT |  ABC; B'C' // BC |
| KL |   |

**Thực hành 3 .**



a)Xét có d // BC nên theo định lý Thales ta có:

b) vuông tại N, theo định lý pytago

MP2=MN2+NP2

MP2= 82+62

MP2= 100 ⇨ MP =10

Vì RS //NP (cùng ⊥ MN ) nên theo định lý Thales ta có :